

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

Ông Đoàn Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thảo Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2026/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm: 2003; địa chỉ: 3, ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Bé M - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thành N1, sinh năm: 2001; địa chỉ: 2, ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bảo N trình bày:

Bà N và ông Lê Thành N1 có tiền đến hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 07 tháng 10 năm 2022. Trong quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng bà N rất hạnh phúc, tin tưởng và thương yêu nhau. Đến tháng 3 năm 2026, bà N và ông N1 xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Hiện tại, ông N1 ở tại số nhà B ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long, còn bà N ở tại số nhà C, ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Từ khi sống ly thân, vợ chồng không có tạo điều kiện để hàn gắn với nhau được, ông N1 đến chủ yếu là vào buổi tối để thăm con, hoàn toàn không có thiện chí muốn hàn gắn với bà, cha mẹ của bà có liên hệ với cha mẹ ông N1 đến để nhằm giải quyết mâu thuẫn và tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nhưng ông N1 và cha mẹ chồng không đến. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo N cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thành N1. Không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) người con chung tên Lê Nguyễn Tâm P, sinh ngày: 22/7/2024 (đang sống cùng bà N). Khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có.

Trong bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Thành N1 trình bày:

Về hôn nhân: Theo như nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà N trình bày thì ông thống nhất về việc hai bên tiến đến hôn nhân do quan biết và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 07 tháng 10 năm 2022.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như bà N trình bày thì ông xác định là có nhưng không đến mức nghiêm trọng, quá trình chung sống giữa bà N và mẹ của ông không hợp nhau, có những lúc nóng giận bản thân ông không kiểm soát được lời nói nên làm cho bà N giận, sự việc cũng có lập đi lập lại vài lần, ông chỉ nhớ những lần cãi vã nhiều. Đến khoảng tháng 5/2026 thì bà N về nhà cha mẹ ruột tại số nhà C, ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long để sống cho đến nay, hàng ngày ông cũng đến ở nhà vợ để cùng chăm sóc con, thời gian gần đây thì ông không đến nhà vợ nữa, do cũng có mâu thuẫn với cha mẹ vợ nên ông không ở tại đó mà chỉ đến để rước con về nhà chơi.

Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, mong muốn được hàn gắn. Trường hợp bà Ngọc K quyết muốn ly hôn và không tạo điều kiện cho ông có cơ hội để hàn gắn thì ông không có biện pháp gì để nhằm giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng được, ông cần có thời gian và bà N phải cho ông cơ hội để gặp gỡ, thuyết phục thì ông mới có khả năng hàn gắn được.

Trong trường hợp phải ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) người con chung tên Lê Nguyễn Tâm P, sinh ngày: 22/7/2024 (đang sống cùng bà N). Trong trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu

được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Công việc của ông là làm vườn, thu nhập theo năm, bình quân thu nhập hàng năm khoảng 200.000.000đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trong thời gian chung sống, giữa bà N và ông N1 đã có xảy ra mâu thuẫn khó có thể hàn gắn được, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, cụ thể là:

Chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông N1;

Giao cho bà N được quyền trực tiếp nuôi người con chung tên Lê Nguyễn Tâm P, sinh ngày: 22/7/2024 (đang sống cùng bà N), bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo N:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn với ông Lê Thành N1.

- Cấp dưỡng vợ, chồng sau ly hôn: Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là: Lê Nguyễn Tâm P, sinh ngày 22/7/2024.

- Cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bảo N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Bảo N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Lê Thành N1 có địa chỉ tại ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bảo N có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà N và ông Nghĩa L phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy đời sống vợ chồng của bà N, ông N1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông N1 cho rằng ông còn thương bà N nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông N1 cũng xác định cuộc sống hôn nhân của ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ khi sống ly thân cho đến nay thì giữa ông N1 và bà N hoàn toàn không có trao đổi gì với nhau về việc hàn gắn, bản thân ông N1 cũng xác định không có biện pháp gì nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà N. Bên cạnh đó, qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông, bà cho thấy lời trình bày của bà N về mâu thuẫn vợ chồng là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã thể hiện ý kiến kiên quyết yêu cầu ly hôn, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông Nghĩa L phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà N, ông N1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: Người con tên Lê Nguyễn Tâm P, sinh ngày: 22/7/2024 hiện đang sống chung với bà N, mặc dù bà N và ông N1 đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng từ sau khi bà N và ông N1 sống ly thân với nhau thì bà N là người trực tiếp nuôi con, người con tên Lê Nguyễn Tâm P hiện vẫn phát triển bình thường về mặt thể chất cũng như tinh thần, đã quen với môi trường sống hiện tại. Hơn nữa, đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì người con tên Lê Nguyễn Tâm P (sinh ngày: 22/7/2024) dưới 36 tháng tuổi, bà N có đầy đủ sức khỏe và có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, ngoài việc tự mình chăm sóc con còn được sự hỗ trợ của cha mẹ đẻ bà N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do vậy cần căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao người con tên Lê Nguyễn Tâm P, sinh ngày: 22/7/2024 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà **N** không yêu cầu ông **N1** phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Bà **N**, ông **N1** đều xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ: Bà **N**, ông **N1** xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **N** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Bảo N** được ly hôn với ông **Lê Thành N1**.

[2] Về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cho bà **Nguyễn Thị Bảo N** được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa bà và ông **Lê Thành Nghĩa** là **Lê Nguyễn Tâm P**, sinh ngày: 22/7/2024 (đang sống chung với bà **N**). Bà **Nguyễn Thị Bảo N** không yêu cầu ông **Lê Thành N1** phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, bà **Nguyễn Thị Bảo N**, ông **Lê Thành N1** hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà **Nguyễn Thị Bảo N**, ông **Lê Thành N1** có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Bà **Nguyễn Thị Bảo N**, ông **Lê Thành N1** đều xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ: Bà Nguyễn Thị Bảo N, ông Lê Thành N1 xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009918 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KTr, TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền

